

Số: 288/2022/ĐA-CDSP

Lạng Sơn, ngày 21 tháng 6 năm 2022

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2022

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

- Tên trường:** Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn.
- Mã trường:** C10.
- Địa chỉ các trụ sở:**
 - **Cơ sở 1** (Trụ sở chính): Số 9, khối Đèo Giang, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
 - **Cơ sở 2:** Số 148, Đường Nguyễn Du, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.
- Địa chỉ trang thông tin điện tử (Website):** www.lce.edu.vn.
- Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo:**
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 02056.250.356
- Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp**

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://lce.edu.vn/van-ban-214-v-v-bao-cao-ket-qua-thuc-hien-chi-tieu-nam-2021-va-xac-dinh-chi-tieu-tuyen-sinh-nam-2022-trinh-do-cd-nganh-gdmn/>

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên					
Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	100	51	50	90%
Tổng		100	51	50	90%

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

<https://bak16.lce.edu.vn/vi/news/tuyen-sinh-2020/thong-bao-ket-qua-xet-tuyen-va-xac-nhan-nhap-hoc-nganh-giao-duc-mam-non-1156.html>

<https://bak16.lce.edu.vn/vi/news/Tuyen-sinh/thong-bao-ket-qua-va-danh-sach-trung-tuyen-dot-1-he-cao-dang-1311.html>

<https://bak16.lce.edu.vn/vi/news/tuyen-sinh-2021/thong-bao-ket-qua-va-danh-sach-trung-tuyen-dot-2-he-cao-dang-1343.html>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất: Xét tuyển

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm 2020			
		Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
				Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Xét kết quả học tập cấp THPT
Nhóm ngành I					
1	Giáo dục Mầm non	120	28	18.00	20.15
	<i>Toán, Ngữ văn, Năng khiếu</i>		15		
	<i>Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu</i>		03		
	<i>Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu</i>		0		
	<i>Văn, GDCD, Năng khiếu</i>		10		
Tổng		120	28		

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm 2021			
		Chi tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	
				Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Xét kết quả học tập cấp THPT
Nhóm ngành I					
2	Giáo dục Mầm non	100	51	22.75	23.75
	<i>Ngữ văn, GDCD, Năng khiếu (M03)</i>		32		
	<i>Toán, Ngữ văn, Năng khiếu (M06)</i>		7		
	<i>Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu (M07)</i>		11		
	<i>Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu (M11)</i>		1		
Tổng		100	51		

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSDT:

<https://lce.edu.vn/van-ban-214-v-v-bao-cao-ket-qua-thuc-hien-chi-tieu-nam-2021-va-xac-dinh-chi-tieu-tuyen-sinh-nam-2022-trinh-do-cd-nganh-gdmi>

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã ngành (gần nhất)	Trưởng tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Giáo dục Mầm non	51140201	329/QĐ-BGDĐT-DH	17/01/2002			Bộ GDĐT	2002	2021

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSDT

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSDT: <https://lce.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-2022/>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSDT:

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSDT:

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSDT:

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT).

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Thí sinh có hộ khẩu thường trú tại các tỉnh thuộc khu vực miền Bắc bộ.

1.3. Phương thức tuyển: Xét tuyển.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1.	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	405 406	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT/THPTQG với điểm thi năng khiếu để xét tuyển Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển	20-40 60-80	Ngữ văn, GDCC, Năng khiếu Ngữ văn, GDCC, Năng khiếu	Môn chính	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	Môn chính	Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu	Môn chính	Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu	Môn chính

1.5. Ngưỡng đầu vào:

a) Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả điểm thi tại kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT;
- Tham gia và đăng ký sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 để xét tuyển;
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

b) Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT;
 - Xếp loại học lực, hạnh kiểm lớp 12 từ loại Khá hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên;
 - Điểm xét tuyển là tổng điểm 03 môn trong tổ hợp xét tuyển, công với điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng (nếu có) theo quy định.
- 1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

- Tên trường: Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn

- Mã trường: C10

- Địa chỉ các trụ sở:

- + Cơ sở 1 (Trụ sở chính): Số 9 Khối Dèo Giang, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.
- + Cơ sở 2: Số 148, Đường Nguyễn Du, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.
- + Điện thoại tuyển sinh: 02056.250.356; Email: bants.c10@moet.edu.vn
- + Địa chỉ trang thông tin điện tử (Website): www.lce.edu.vn.
- Không tính chênh lệch giữa các tổ hợp xét tuyển.
- Trường hợp thí sinh có cùng điểm xét tuyển thì thứ tự ưu tiên là điểm môn năng khiếu.
- Thí sinh có thẻ lấy kết quả thi năng khiếu năm 2022 của ngành tương ứng do các trường Đại học, Cao đẳng su phạm tổ chức hoặc dự thi tại trường CDSP Lạng Sơn để lấy điểm xét tuyển.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

a) Thời gian nhận hồ sơ

- Đợt 1: Từ ngày 21/5/2022 đến ngày 15/7/2022.

- Các đợt bổ sung: Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển nhập học đợt 1, Trường sẽ thông báo nhận hồ sơ ĐKXT và tổ chức xét tuyển các đợt bổ sung tiếp theo. Kết thúc xét tuyển trước ngày 31/12/2022.

b) Hình thức, địa điểm nhận hồ sơ ĐKXT: Đăng ký xét tuyển trực tuyến trên hệ thống phần mềm quản lý tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển

- Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thí sinh thuộc diện ưu tiên (khu vực, đối tượng) được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển;

- Các thí sinh thuộc diện được tuyển thẳng không phải đăng ký xét tuyển, chỉ cần nộp hồ sơ xét tuyển thẳng theo quy định.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

- Kinh phí xét tuyển: Thí sinh nộp kinh phí xét tuyển trực tuyến theo quy định.

- Kinh phí thi năng khiếu môn non: 200.000đ/hồ sơ (Nộp trực tiếp tại Trường CDSP Lạng Sơn).

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lệ trình tăng học phí tới đa cho từng năm (nếu có).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- Dợt 1: Từ ngày 21/5/2022 đến ngày 15/7/2022.

- Dợt 2: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.1.2. Các nội dung khác (Không trái quy định hiện hành).

1.1.3. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.1.3.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

1.1.3.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học.

1.1.4. Tài chính:

1.1.4.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: Ngân sách nhà nước cấp: 26.248.800.000đ (Bằng chữ: Hai mươi sáu tỷ hai trăm bốn mươi tám triệu tám nghìn đồng); Nguồn thu hợp pháp khác (dự kiến): 6.933.000.000đ (Bằng chữ: Sáu tỷ chín trăm ba mươi ba triệu đồng)

1.1.4.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 22.152.109đ (Bằng chữ: Hai mươi hai triệu một trăm năm mươi hai nghìn một trăm lẻ chín đồng)

2. Tuyển sinh đào tạo cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên (Không tuyển sinh)

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.										

1.5. Ngưỡng đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.
1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

III. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm: Không tuyển sinh

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của CSDT:.....

IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa: Không tuyển sinh

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo từ xa trên trang thông tin điện tử của CSDT:.....

CÁN BỘ KÊ KHAI



Lương Ánh Chung

Điện thoại: 0948.144.441

Email: luonganhchung@gmail.com

HIỆU TRƯỞNG



Phùng Quý Sơn

Nơi nhận:

- Vụ GDDH (b/c);
- HT, PHT (b/c);
- Các đơn vị trong trường (t/h);
- Đăng Website nhà trường;
- Lưu: VT, QLĐT&HTQT.

Mẫu số 03: Bảo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2021 (Người học)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		
1	Tiến sĩ		
1.1	Lĩnh vực...		
1.1.1	Ngành....		
2	Thạc sĩ		
2.1	Lĩnh vực...		
2.1.1	Ngành....		
B	ĐẠI HỌC		
3	Đại học chính quy		
3.1	Chính quy		
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		
3.1.1.1	Lĩnh vực ...		
3.1.1.1.1	Ngành...		
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		
3.1.2.1	Lĩnh vực ...		
3.1.2.1.1	Ngành...		
3.2	Đối tượng từ trung cấp lên đại học		
3.2.1	Lĩnh vực...		
3.2.1.1	Ngành...		
3.3	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học		
3.3.1	Lĩnh vực...		
3.3.1.1	Ngành....		
3.4	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
3.4.1	Lĩnh vực...		
3.4.1.1	Ngành....		
4	Đại học vừa làm vừa học		
4.1	Vừa làm vừa học		
4.1.1	Lĩnh vực...		
4.1.1.1	Ngành...		
4.2	Đối tượng từ trung cấp lên đại học		
4.2.1	Lĩnh vực...		
4.2.1.1	Ngành....		
4.3	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học		
4.3.1	Lĩnh vực...		
4.3.1.1	Ngành...		
4.4	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
4.2.1	Lĩnh vực...		
4.2.1.1	Ngành....		
5	Từ xa		
5.1	Lĩnh vực...		
5.1.1	Ngành...		

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON		103
6	Cao đẳng chính quy		103
6.1	Chính quy	5140201	103
6.2	Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng	5140201	0
6.3	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng	5140201	0
7	Cao đẳng vừa làm vừa học		0
7.1	Vừa làm vừa học	5140201	0
7.2	Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng	5140201	0
7.3	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng	5140201	0

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 4,6 ha

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên : 960 chỗ ở

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên

một sinh viên chính quy:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	78	3412
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	732
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	150
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	43	2500
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	12	392
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	188
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	39	858
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	1	634
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	8	416
	Tổng	186	9282

2.2 Các thông tin khác



1.4 Danh sách giảng viên toàn thời gian

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
01	Lý Thị Hương		Đại học	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
02	Lưu Thị Minh Huyền		Đại học	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
03	Trần Thị Hiền		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
04	Nguyễn Thị Hòa		Đại học	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
05	Lô Mai Lan		Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	Giáo dục Mầm non	
06	Đỗ Thị Xuyên		Thạc sĩ	Giáo dục trẻ em trước tuổi học	Giáo dục Mầm non	
07	Lê Minh Thắng		Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Giáo dục Mầm non	
08	Hoàng Minh Thủy		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh cho các đối tượng thuộc ngôn ngữ khác	Giáo dục Mầm non	
09	Lê Thị Minh Thi		Tiến sĩ	Giáo dục	Giáo dục Mầm non	
10	Đinh Thị Tình		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	
11	Dương Anh Tuấn		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	
12	Dương Công Hồng		Đại học	Giáo dục quốc phòng	Giáo dục Mầm non	
13	Trương Kim Tú		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Giáo dục Mầm non	
14	Nguyễn Văn Quý		Thạc sĩ	Khoa học giáo dục	Giáo dục Mầm non	
15	Lê Thị Thanh Hương		Thạc sĩ	Khoa học xã hội nhân văn ngôn ngữ anh	Giáo dục Mầm non	
16	Tà Thị Thu Hằng		Thạc sĩ	Lí luận và lịch sử giáo dục học	Giáo dục Mầm non	
17	Hoàng Ngọc Anh Tho		Thạc sĩ	Lí luận và phương pháp dạy học Âm nhạc	Giáo dục Mầm non	
18	Hoàng Thu Hương		Thạc sĩ	Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Giáo dục Mầm non	
19	Hoàng Phương Lan		Thạc sĩ	Lí luận và phương pháp dạy học giáo dục chính trị	Giáo dục Mầm non	
20	Hoàng Thu Phương		Thạc sĩ	Lí luận và phương pháp dạy học giáo dục chính trị	Giáo dục Mầm non	
21	Hoàng Thị Thanh Thủy		Thạc sĩ	Lí luận và phương pháp dạy học giáo dục chính trị	Giáo dục Mầm non	

22	Vũ Thị Thu Hằng		Thạc sĩ	Lí luận và phương pháp dạy học sinh học	Giáo dục Mầm non	
23	Đặng Thị Thủy		Thạc sĩ	Lí luận và phương pháp dạy học Toán	Giáo dục Mầm non	
24	Phuong Ngọc Thanh Huyền		Thạc sĩ	Lí luận và phương pháp dạy học Văn - Tiếng Việt	Giáo dục Mầm non	
25	Mông Thị Vân Anh		Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam	Giáo dục Mầm non	
26	Hoàng Thu Thủy		Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam	Giáo dục Mầm non	
27	Đỗ Thị Lê		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học Âm nhạc	Giáo dục Mầm non	
28	Nông Thu Hoài		Thạc sĩ	Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
29	Hoàng Văn Diễm		Đại học	Mỹ thuật	Giáo dục Mầm non	
30	Cao Thanh Sơn		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình đồ họa	Giáo dục Mầm non	
31	Bé Diệu Hồng		Thạc sĩ	Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam	Giáo dục Mầm non	
32	Phùng Quý Sơn		Trấn sĩ	Ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
33	Hoàng Thị Hường		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
34	Đào Anh Tuấn		Đại học	Sư phạm Giáo dục thể chất	Giáo dục Mầm non	
35	Phạm Anh Việt		Đại học	Sư phạm mỹ thuật	Giáo dục Mầm non	
36	Nguyễn Thị Phương Loan		Thạc sĩ	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non	
37	Hứa Thị Khuyên		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục Mầm non	
38	Đào Cẩm Vân		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục Mầm non	